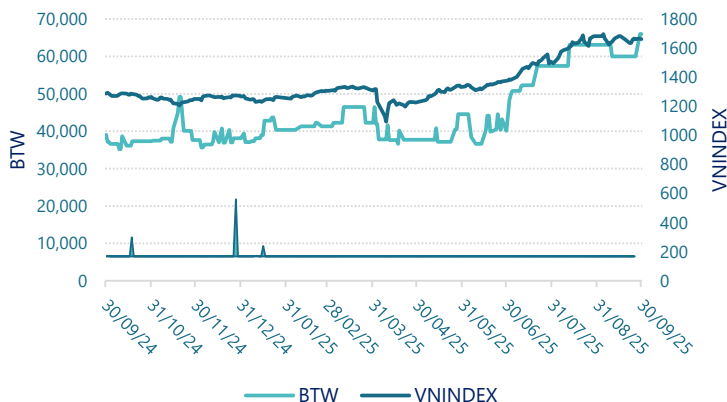




CTCP Cấp nước Bến Thành (HNX: BTW)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch

30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	66,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	66,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	35,199
SL cổ phiếu LH	9,360,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	32,355
% sở hữu nước ngoài	1.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	618
P/E	20.4
EPS	3,233

DT thuần

Q3/25

137

tỷ VNĐ

QoQ: ▼3.00 | -2.1%

YoY: ▼2.00 | -1.3%

LN sau thuế

Q3/25

12.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 3.06 | 33.3%

YoY: ▼2.60 | -18.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

11.1%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

9T 2025

411

tỷ VNĐ

YoY: ▼8.00 | -1.9%

LN sau thuế

9T 2025

40.0

tỷ VNĐ

YoY: ▼16.8 | -29.6%

ROE

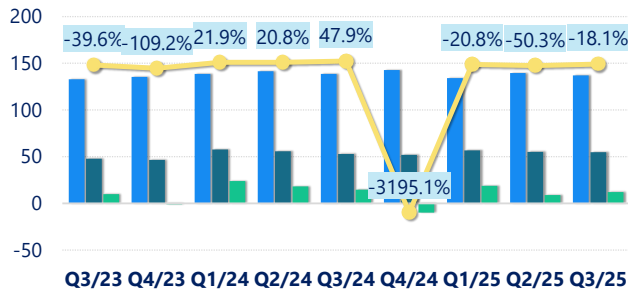
Q3/25

11.5%

+/- YoY: ▼ 9.8%

tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh



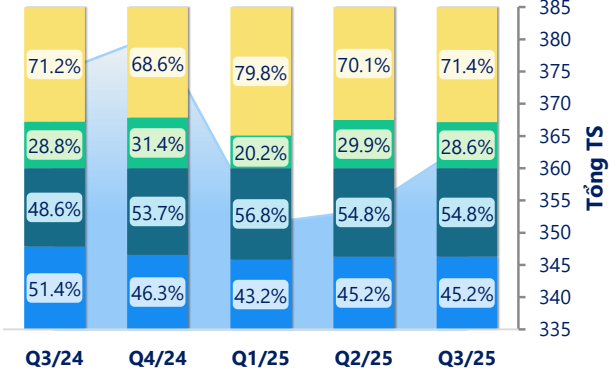
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Doanh thu thuần
Lợi nhuận gộp
Lợi nhuận sau thuế
Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

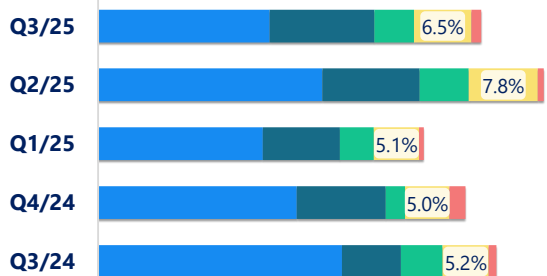


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Tổng tài sản
Tài sản ngắn hạn
Tài sản dài hạn
Nợ phải trả
Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

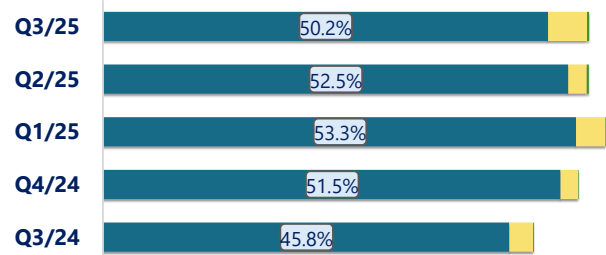
Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



Tiền và TĐ tiền
Đầu tư TC ngắn hạn
Phải thu ngắn hạn
Hàng tồn kho
TSNH khác

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

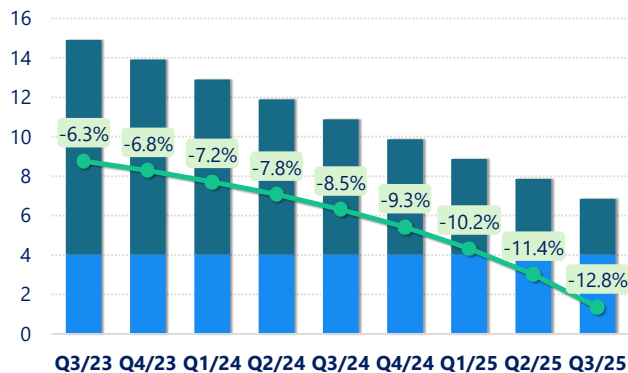


Phải thu dài hạn
Tài sản cố định
Bất động sản đầu tư
Tài sản dở dang
Đầu tư tài chính dài hạn
Tài sản dài hạn khác
Lợi thế thương mại

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Nợ vay



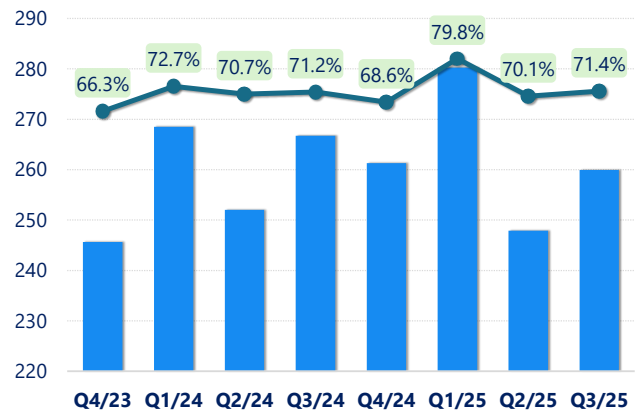
Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Vay và nợ thuê ngắn hạn
Vay và nợ thuê dài hạn
Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

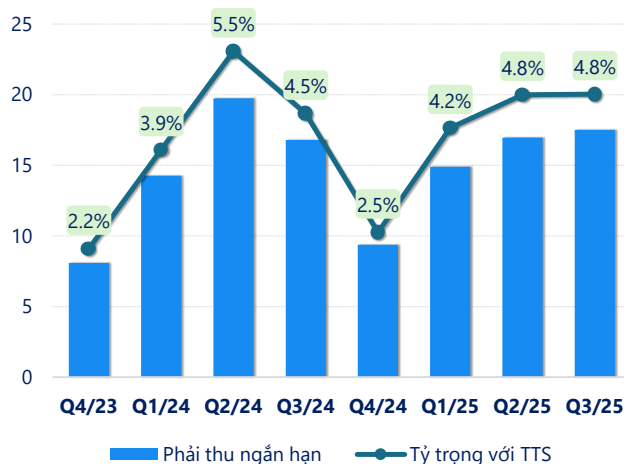


Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

Vốn chủ sở hữu
Tỷ trọng với TTS

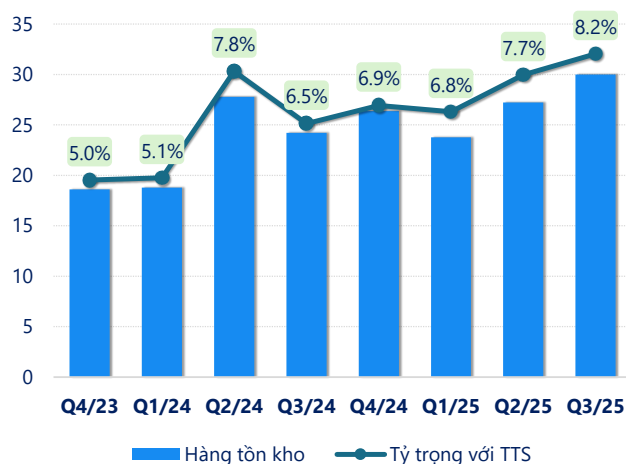
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


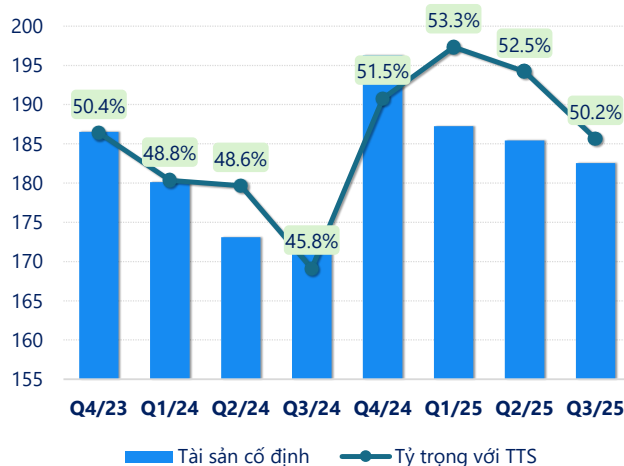
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


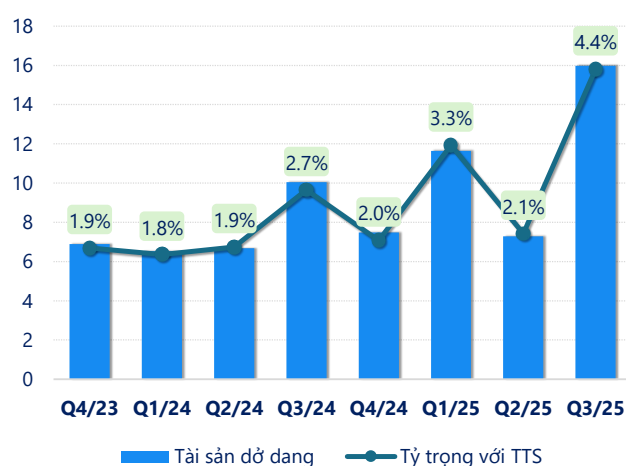
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

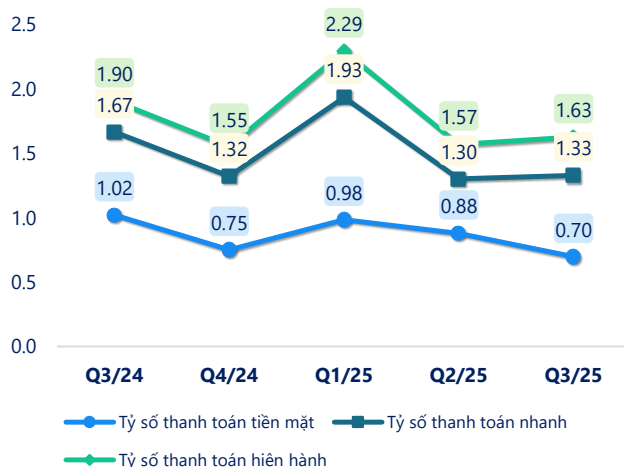
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	375	381	351	353	364
Tài sản ngắn hạn	192	176	152	160	164
Tiền và tương đương tiền	103	85.4	65.3	89.4	70.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	44.2	46.2	41.1	21.1	41.1
Phải thu ngắn hạn	16.8	9.37	14.9	17.0	17.5
Hàng tồn kho	24.2	26.4	23.8	27.2	30.0
Tài sản ngắn hạn khác	4.14	9.06	6.87	4.92	5.21
Tài sản dài hạn	182	204	199	194	200
Phải thu dài hạn	0.37	0.37	0.37	0.18	0.18
Tài sản cố định	171	196	187	185	183
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	10.0	7.49	11.6	7.29	16.0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	0.33	0.23	0.20	0.93	0.83
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	108	119	71.1	106	104
Nợ ngắn hạn	101	114	66.3	102	101
Vay và nợ thuê ngắn hạn	4.03	4.03	4.03	4.03	4.03
Phải trả người bán ngắn hạn	29.4	66.5	29.5	29.0	12.7
Nợ dài hạn	6.85	5.84	4.84	3.83	2.82
Vay và nợ thuê dài hạn	6.85	5.84	4.84	3.83	2.82
Nguồn vốn chủ sở hữu	267	261	280	248	260
Vốn chủ sở hữu	267	261	280	248	260
Vốn điều lệ	93.6	93.6	93.6	93.6	93.6
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)